

Số: 153/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1146/QĐ-KĐCL ngày 03/11/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXV của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1147/QĐ-KĐCL ngày 03/11/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXV;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXV ngày 23/11/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:


1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong Phụ lục II).



3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Đinh Văn Toàn



Phụ lục I**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 153/NQ-HĐKĐCL ngày 27 tháng 11 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,96
Tiêu chuẩn 1	3,80
Tiêu chuẩn 2	4,00
Tiêu chuẩn 3	4,00
Tiêu chuẩn 4	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chuẩn 6	3,86
Tiêu chuẩn 7	3,80
Tiêu chuẩn 8	4,50
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	3,91
Tiêu chuẩn 9	3,83
Tiêu chuẩn 10	4,25
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	3,80

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	4,03
Tiêu chuẩn 13	4,00
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	4,20
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,50
Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	4,00
Tiêu chuẩn 21	4,25
Mục 4. Kết quả hoạt động	4,04
Tiêu chuẩn 22	4,50
Tiêu chuẩn 23	3,67
Tiêu chuẩn 24	4,50
Tiêu chuẩn 25	3,50

Phụ lục II**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 153/NQ-HĐKĐCL ngày 27 tháng 11 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục được tuyên bố chính thức theo từng giai đoạn phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước, với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập theo quy định và có các văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động; chức năng quyền hạn của các đơn vị được phân định rõ ràng. Các chỉ tiêu chiến lược cơ bản được xác lập khá đầy đủ và có các giải pháp thực hiện. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xây dựng phù hợp chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế; chính sách tài chính thu hút và bồi dưỡng phát triển nhân lực có trình độ cao được quan tâm. Công tác quản lý tài chính được thực hiện theo quy định. Cơ sở vật chất, hệ thống giảng đường, thực hành, thí nghiệm đáp ứng cơ bản yêu cầu phục vụ cho dạy và học. Mạng lưới đối tác trong nước và quốc tế có cải thiện.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập khá hoàn chỉnh; các quy trình, quy định và hướng dẫn về hoạt động đảm bảo chất lượng được ban hành; đội ngũ cán bộ chuyên trách được bồi dưỡng về nghiệp vụ. Các kế hoạch chiến lược và hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai nhằm hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Cơ chế đảm bảo chất lượng được vận hành khá hiệu quả thông qua các hoạt động khảo sát, tự đánh giá và đánh giá ngoài Nhà trường và các chương trình đào tạo. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bước đầu được xây dựng và ứng dụng công nghệ thông tin ở các lĩnh vực hoạt động chủ yếu góp phần hỗ trợ công tác quản lý, quản trị Nhà trường. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn, đối sánh được thiết lập và bước đầu được triển khai trong quá trình phát triển các chương trình đào tạo và phục vụ cho công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Công tác tuyển sinh được chú trọng; tiêu chí và phương thức tuyển chọn được xác định rõ ràng, công bố công khai; chất lượng tuyển sinh bậc đại học khá ổn định. Việc xây dựng và rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo được triển khai định kỳ theo quy định; nội dung chương trình điều chỉnh theo hướng chuyên sâu, có tính cập nhật và tính ứng dụng thực tiễn cao. Các hoạt động dạy và học phù hợp khá đa dạng, chuyển tải được triết lý giáo dục của Trường; sinh viên có cơ hội giao lưu học hỏi tại các cơ sở y tế trong nước và một số tổ chức nghề nghiệp quốc tế trong mạng lưới đối tác. Đánh giá kết quả học tập được quy định và triển khai thực hiện. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập và được triển khai thực hiện với các chỉ số chính được xây dựng, rà soát để cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên, người học được thiết lập và triển khai. Kế hoạch phát triển hợp

tác, mạng lưới đối tác trong nghiên cứu có các giải pháp thực hiện và được cải thiện. Hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được thúc đẩy mạnh, có dự đa dạng và gắn với thế mạnh của Trường.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo được xác lập và giám sát. Tỉ lệ sinh viên thôi học thấp, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm cao; các bên liên quan hài lòng cao về chất lượng sinh viên tốt nghiệp. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học được xác định và quan tâm giám sát; kết quả nghiên cứu khoa học đạt được nhiều thành tích nổi bật được Bộ Y tế, các ban ngành và địa phương ghi nhận. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng có nhiều đóng góp cho các địa phương và được các bên đánh giá tốt. Việc giám sát kết quả và chỉ số tài chính của các hoạt động được quan tâm xác lập; kết quả có sự gia tăng. Một số chỉ số thị trường về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đã được quan tâm xác lập, theo dõi đối sánh nội bộ và lưu trữ.

Tuy nhiên, Nhà trường vẫn còn những những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Hợp tác sâu rộng, hiệu quả với các bên liên quan trong xây dựng, phát triển, thực hiện và giám sát, cải tiến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục để truyền cảm hứng cho các bên thực hiện. Xây dựng và triển khai chiến lược, kế hoạch chiến lược và kế hoạch hằng năm nhằm hiện thực hóa tầm nhìn; chất lọc, lựa chọn và áp dụng sáng tạo các bài học hay, kinh nghiệm thành công của các trường đại học trong và ngoài nước trong việc thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

2. Có các nghị quyết, kế hoạch hành động và phân công trách nhiệm cho từng đơn vị và quản trị theo mô hình tổng công trình sư trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát. Áp dụng sâu rộng quản trị đại học tiên tiến và thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và áp dụng hiệu quả quy trình P-D-C-A với sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động. Nâng cao năng lực tự chủ, chịu trách nhiệm và khả năng quản trị rủi ro mọi hoạt động dựa vào bảo đảm, kiểm định chất lượng giáo dục.

3. Nghiên cứu áp dụng mô hình tổ chức của các trường đại học y dược và đặc thù khu vực Hải Dương - Hưng Yên để điều chỉnh cơ cấu tổ chức hiệu quả. Phát huy nội lực, tranh thủ sự hỗ trợ của các bộ ngành và tỉnh Hải Dương, của các đối tác để có thêm nguồn lực thực hiện các mục tiêu chiến lược. Rà soát kế hoạch phát triển; hướng dẫn các đơn vị xây dựng chiến lược thành phần để triển khai thực hiện đồng bộ. Cân nhắc xây dựng KPIs có tham chiếu mô hình trong nước và quốc tế và đảm bảo nguyên tắc SMART; bổ sung các biện pháp quản trị rủi ro.

4. Nghiên cứu lựa chọn các đối tác và các thực hành tốt, tổ chức khảo sát thực tế và áp dụng các công cụ đối sánh phù hợp để tổ chức lại quy trình và cách xác định nội hàm của mô hình đại học Trường quan tâm. Áp dụng cả nguyên lý phụ thuộc/hoặc không phụ thuộc quy mô (size-dependence) cho một số chỉ số chiến lược; tham khảo các mô hình quản trị rủi ro để tiếp tục rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển phù hợp, hiệu quả.

5. Có hướng dẫn cụ thể về công tác xây dựng chính sách cho các lĩnh vực hoạt động và bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý các cấp về kỹ năng tham mưu xây dựng chính sách. Có các chính sách đột phá để thực hiện các mục tiêu của kế hoạch chiến lược; thực hiện định kỳ việc báo cáo chuyên đề về kết quả giám sát việc thực hiện các chính sách và hiệu quả, tác động của các chính sách đến sự phát triển của Nhà trường.

6. Có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ đồng thời với các biện pháp và chế tài để các giảng viên học tập sau đại học hoặc sớm đạt chuẩn chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư. Xây dựng và ban hành quy định về tiêu chí tuyển dụng giảng viên đặc thù và công tác tuyển dụng lao động trên cơ sở cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật và cải tiến sau đánh giá. Xây dựng, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và khung năng lực ứng với mỗi vị trí việc làm để triển khai đánh giá và đào tạo nâng cao năng lực.

7. Có giải pháp quyết liệt, hiệu quả để tăng nguồn thu trên cơ sở khai thác tiềm năng chuyên môn và nguồn lực sẵn có. Sớm xây dựng đề án chuyển đổi số, nhất là các phần mềm quản lý hoạt động dạy - học, xây dựng bài giảng điện tử để ứng dụng kết hợp giảng dạy trực tiếp và trực tuyến. Tiếp tục đầu tư bổ sung đầy đủ học liệu theo yêu cầu của các chương trình đào tạo. Ban hành quy định riêng về công tác vệ sinh môi trường để thực hiện trên cơ sở tích hợp các văn bản hiện có và cập nhật các quy định hiện hành của các bộ, ngành.

8. Xây dựng chiến lược và chính sách để thúc đẩy hợp tác với các đối tác, mạng lưới quan hệ hợp tác chiến lược phù hợp; tiếp tục rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, đối tác đã ký kết; xây dựng quy chế phối hợp để truyền thông đến các bên liên quan và có các chương trình hành động cụ thể. Xây dựng kế hoạch phát triển đối tác theo xu thế hội nhập theo quốc gia, khu vực, theo loại hình hợp tác; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học, công nghệ sinh y nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

9. Ban hành đầy đủ, đồng bộ các chính sách ưu tiên cho đảm bảo chất lượng; cập nhật hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn về hoạt động đảm bảo chất lượng làm căn cứ xây dựng KPIs, kế hoạch và giám sát thực hiện. Sớm có kế hoạch xây dựng phần mềm quản lý văn bản nội bộ, lưu giữ cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng để thuận tiện cho cập nhật và tiếp cận, khai thác; nghiên cứu ban hành đầy đủ, cập nhật bộ chỉ số về đảm bảo chất lượng thể hiện các chỉ số đầu ra của cơ sở giáo dục để làm căn cứ triển khai thực hiện, đối sánh và cải tiến chất lượng.

10. Có các biện pháp triệt để để cải tiến chất lượng dựa trên các phát hiện từ tự đánh giá và đánh giá ngoài. Cập nhật hệ thống thu thập thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; phân tích kết quả để có các thông tin hữu ích phục vụ cải tiến chất lượng, bao gồm: cách thức thu thập dữ liệu, xử lý và trích xuất dữ liệu. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả cho quá trình tự đánh giá và đánh giá ngoài, cải tiến chất lượng; cải thiện hệ thống dữ liệu về chỉ số thực hiện các lĩnh vực hoạt động từng năm đảm bảo tính liên tục, đầy đủ và dễ dàng tiếp cận.

11. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong hoạt động đảm bảo chất lượng để quản lý thống nhất các cơ sở dữ liệu đảm bảo chất lượng bên trong, các kết quả khảo sát, kết quả phân tích thông tin, số liệu, bao gồm các chỉ số thị trường để phục vụ kịp thời yêu cầu quản trị, quản lý Nhà trường. Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý tích hợp nhiều các tính năng để hỗ trợ phân tích dữ liệu để xác định xu hướng, dự báo, so sánh nhằm hỗ trợ hiệu quả hơn cho việc ra quyết định của các cấp lãnh đạo, quản lý. Cải thiện việc tổng hợp, phân tích dữ liệu, thông tin khoa học, tin cậy đáp ứng yêu cầu của hoạt động đảm bảo chất lượng cấp độ cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo.

12. Phân tích, đánh giá tổng thể để nhận diện những vấn đề cốt lõi có tính hệ thống từ kết quả kiểm định chất lượng và hệ thống các quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo để kịp thời hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn trong thực hành đảm bảo chất lượng; thiết lập đầy đủ các chỉ số đầu ra và có các giải pháp cụ thể thực hiện nhằm hướng đến thực hiện sứ mạng và tầm nhìn. Cập nhật các quy định về so chuẩn đối sánh, bổ sung các tiêu chí cụ thể liên

quan đến việc lựa chọn cơ sở giáo dục để so chuẩn đối sánh. Tăng cường công tác giám sát để đảm bảo có được các kết quả có ý nghĩa phục vụ cải tiến chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

13. Nghiên cứu điều chỉnh chính sách tuyển sinh, có giải pháp hiệu quả để đảm bảo quy mô tuyển sinh đối với các chương trình đào tạo truyền thống của Trường. Có quy trình cụ thể về giám sát công tác tuyển sinh và nhập học phù hợp với đặc thù; phân tích sâu sắc nguyên nhân và nguy cơ sụt giảm quy mô tuyển sinh làm cơ sở thiết lập các biện pháp cải tiến phù hợp, hiệu quả hơn. Mô tả kỹ hơn về các vị trí việc làm, giới thiệu về các cơ hội thăng tiến công việc và kết quả/thành tựu của các chương trình đào tạo để tăng cường truyền thông nhằm tạo thêm sức hút tuyển sinh vào các ngành đào tạo.

14. Xây dựng và ban hành văn bản quy định tổng thể về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo cập nhật theo các quy định hiện hành và thể hiện rõ hơn về nguyên tắc phát triển chương trình đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra. Tổ chức rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và đề cương các học phần. Xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo làm căn cứ rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo đảm bảo có sự kết nối các lĩnh vực đào tạo, tăng tính liên thông, tích hợp và cập nhật các kiến thức mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 và chiến lược chuyển đổi số trong ngành y tế.

15. Có hướng dẫn chi tiết việc thiết kế và lựa chọn các hình thức dạy - học chuyển tải triết lý giáo dục của Trường và phù hợp với chuẩn đầu ra. Chú trọng đổi mới các phương pháp dạy - học, ứng dụng công nghệ trong giảng dạy; tăng các hình thức học tập trải nghiệm, học theo dự án/đề án, hoạt động dạy học theo cá thể hóa để thúc đẩy tinh thần tự học, năng lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và ứng dụng chuyển đổi số cho người học. Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học kết nối chặt chẽ với các hoạt động dạy-học; triển khai rộng rãi hình thức thực tập cộng đồng liên ngành.

16. Hoàn thiện các quy định về kiểm tra đánh giá cập nhật theo các yêu cầu hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có hướng dẫn việc lựa chọn các hình thức đánh giá đảm bảo đo lường được mức độ người học đạt chuẩn đầu ra nhất là đối với các chuẩn năng lực, mức độ tự chủ và trách nhiệm. Sớm ban hành quy trình thẩm định, phân tích đề thi bằng các phần mềm chuyên dụng và yêu cầu các đơn vị đào tạo triển khai thực hiện định kỳ. Sớm xây dựng lộ trình và công cụ đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo quy định.

17. Phân tích xuyên suốt chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo; làm rõ mục tiêu, kế hoạch hành động trong học tập, các hoạt động đoàn, hội, tham gia của sinh viên trong nghiên cứu khoa học, các dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo để hỗ trợ hiệu quả cho người học đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra. Phân công đơn vị chịu trách nhiệm chính về hoạt động của sinh viên để ban hành và triển khai kế hoạch tổng thể, đồng bộ. Rà soát, cải tiến phần mềm quản lý đào tạo và hỗ trợ, phục vụ, giám sát sinh viên hàng năm đảm bảo tính đồng bộ, tích hợp các tính năng mới.

18. Tiếp tục phát triển chính sách, cơ chế đầu tư hiệu quả để giữ chân và thu hút được đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao và chuyên gia đầu ngành để dẫn dắt các hoạt động khoa học công nghệ. Có chiến lược tìm kiếm kinh phí, tăng cường khai thác tốt mối quan hệ với các đối tác quốc tế để đẩy mạnh nghiên cứu khoa học. Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy định, đổi mới công tác quản trị, cập nhật dữ liệu và thông tin kịp thời để có những phân tích và tham mưu hiệu quả cho công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ.

19. Đầu tư cho chiến lược tạo, quản lý và khai thác các tài sản trí tuệ. Có cơ chế khuyến khích tạo tài sản trí tuệ cũng như các chế tài xử phạt liên quan và các giải pháp đồng bộ để bảo hộ tài sản trí tuệ của cơ sở, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng. Có cơ chế để đẩy mạnh khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản trí tuệ của Nhà trường để tăng cường nguồn thu.

20. Rà soát, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, trong đó nhấn mạnh trọng số về tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; chú trọng thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác là các trường/viện có thế mạnh, theo định hướng có các sản phẩm nghiên cứu khoa học là kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học giữa hai bên. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh để thu hút đội ngũ chuyên gia nước ngoài có uy tín chuyên môn cao và tăng cường năng lực khoa học công nghệ của cán bộ, giảng viên để có các đề tài, dự án nghiên cứu phát huy nội lực, tiềm năng và nâng cao uy tín, thương hiệu của Trường.

21. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng hàng năm bám sát quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn, trong đó chú trọng thể mạnh về đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện giáo dục mở, chuyển giao quan tâm đến việc tạo giá trị giữa cộng đồng cán bộ, giảng viên, người học, các đối tác. Đa dạng hóa các hoạt động dạy và học quan tâm đến hỗ trợ việc học tập suốt đời của người học. Cải tiến hệ thống đo lường, giám sát đảm bảo đồng bộ với quy định, kế hoạch và phù hợp tình hình thực tiễn. Xây dựng chính sách và khung tham chiếu thúc đẩy hoạt động phục vụ cộng đồng gắn với từng cá nhân, đơn vị và tổ chức; xây dựng cơ chế động viên, khuyến khích, đánh giá, khen thưởng phù hợp và định kỳ rà soát để cải tiến các chính sách.

22. Có văn bản hướng dẫn công tác giám sát, thống kê và sử dụng dữ liệu thống kê để cải tiến chất lượng; nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo với chức năng thống kê tỉ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, tính thời gian tốt nghiệp trung bình. Quan tâm đối sánh các kết quả đầu ra để cải tiến chất lượng. Nâng cao hiệu quả sử dụng kết quả khảo sát việc làm của sinh viên, sự hài lòng của các bên liên quan để có những cải tiến phù hợp, nhất là nâng cao kỹ năng thực hành lâm sàng, tin học và ngoại ngữ.

23. Lựa chọn các đối tác, tiêu chí đối sánh phù hợp và thường xuyên thực hiện đối sánh để xác lập mục tiêu, các chỉ số phấn đấu. Nghiên cứu xác định mô hình hoạt động khoa học công nghệ, thiết lập văn hóa và thói quen nghiên cứu khoa học; thúc đẩy các chương trình nghiên cứu tạo sản phẩm để có thể chuyển giao, thương mại hóa được. Thay đổi chính sách thu hút và đào tạo cán bộ có năng lực nghiên cứu. Có phương án và lộ trình xây dựng trung tâm chuyển giao tri thức và công nghệ. Tăng cường huy động mọi nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học, trong đó có nguồn thu từ chuyển giao; có các giải pháp tích cực để quản lý, bảo hộ, tăng cường công tác sở hữu trí tuệ.

24. Xác lập hệ thống chỉ báo KPIs và chỉ số thực hiện, định kỳ giám sát và đối sánh các loại hình và khối lượng tham gia phục vụ cộng đồng. Có các giải pháp, chương trình thực thi thực hiện xây dựng xã hội học tập, nâng cao khả năng học tập suốt đời, lan tỏa tri thức, nâng cao dân trí, phổ biến tri thức khoa học, cập nhật ra cộng đồng. Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thể hiện cụ thể trong các kế hoạch phát triển, kế hoạch nhiệm vụ năm học để có hướng dẫn và kế hoạch triển khai phù hợp; hoàn thiện các chỉ báo, chỉ số thực hiện để định kỳ giám sát, đối sánh và có kế hoạch cải tiến.

25. Xây dựng bổ sung chỉ số nguồn thu tài chính từ hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cơ cấu thu các năm. Có các giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ

tiêu tài chính trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2025. Sớm xác lập, ban hành bộ chỉ số thị trường thể hiện rõ hơn thị phần của các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Xây dựng lộ trình tham gia xếp hạng các trường đại học theo bảng xếp hạng của các tổ chức có uy tín; tăng cường truyền thông, đẩy mạnh hợp tác trong và ngoài nước để nâng cao thương hiệu của Nhà trường với xã hội và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.
